

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2026/DS-PT

Ngày: 20 - 03 - 2026

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Quang

Bà Nguyễn Thị My My

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 607/2025/TLPT-DS ngày 17/12/2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2026/QĐ-PT ngày 19/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 140/2026/QĐ-PT ngày 10/02/2026 và Thông báo về việc chuyển lịch phiên tòa số 08/2026/TB-TA ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Công T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố F, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lương Công Q, sinh năm 1993; địa chỉ: C N, tổ dân phố F, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị Hà G, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm B, thôn F, xã K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

2.2. Ông Lê Anh N, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn F, xã K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà G, ông N: Ông Lâm Trần K, sinh năm 1992; địa chỉ: A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Thúy H, sinh năm 1963; địa chỉ: C N, tổ dân phố F, xã K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3.2. Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố A, xã K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Hà G và ông Lê Anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 09/02/2023 ông Lê Anh N có vay của ông Lương Công T số tiền 700.000.000 đồng, việc vay mượn có lập giấy tờ viết tay với nhau hẹn tới ngày 19/02/2023 sẽ trả, lãi suất theo quy định của pháp luật. Trước khi cho ông N vay tiền thì mẹ ông T (bà H) có điện thoại cho ông T hỏi thì ông T đồng ý. Sáng ngày 09/02/2023 trong lúc vay tiền và ghi giấy nợ ông T đang trên phòng và tắm, sau đó ông T mang số tiền 700.000.000 đồng đưa cho mẹ (bà H) để bà H đưa cho ông N rồi vội đi công việc nên ký sau. Tính đến nay mặc dù đã quá hạn trả nợ đã lâu nhưng ông Lê Anh N vẫn chưa trả được khoản nợ gốc và lãi nào.

Sau đó gần trưa 13/02/2023 bà Lê Thị Hà G có vay ông Lương Công T số tiền 750.000.000 đồng, khi vay có viết giấy tờ. Hai bên thỏa thuận đến ngày 28/02/2023 bà G sẽ trả số tiền trên, lãi suất theo quy định của pháp luật. Trước khi bà G vay thì mẹ ông T (bà H) cũng điện thoại cho ông T hỏi thì ông T đồng ý. Vì lúc đó ông T đang có việc bên ngoài nên nhờ bà H lên phòng lấy tiền mặt và ở nhà để viết giấy cho bà G sau đó ông T về ký sau. Tính đến nay mặc dù đã quá hạn trả nợ đã lâu nhưng bà Lê Thị Hà G vẫn chưa trả được khoản nợ gốc và lãi nào.

Việc cho ông N, bà G vay tiền là do ông T tin tưởng vì bà H (mẹ ông T) điện thoại trước cho ông T nói chỗ quen biết nên ông T tin tưởng cho vay. Khi cho ông N, bà G vay thì bà H là người trực tiếp đưa tiền, ông T uỷ quyền bằng miệng cho bà H đưa tiền cho ông N, bà G. Ông T không uỷ quyền cho bà H lấy tiền, trừ khi nào ông T đi vắng hoặc có công việc không ở nhà thì bà H nhận hộ nhưng người vay tiền phải gọi cho ông T hoặc tới nhà đưa tiền mặt rồi ông T xé giấy ghi nợ nhưng hiện tại vẫn chưa trả và bà H không liên quan gì đến việc ông Lê Anh N hoặc bà Lê Thị Hà G vay tiền ông T, bà H chỉ là người đưa tiền giùm. Ông T xác định số tiền cho ông N, bà G vay là tiền cá nhân của ông T.

Nay ông T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Anh N phải trả cho ông T số tiền 700.000.000 đồng và bà Lê Thị Hà G phải trả số tiền 750.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật (từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm (lãi 10%/ năm) và lãi suất khi thi hành án (lãi suất tiếp theo tính từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án).

** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Lê Thị Hương G1, ông Lê Anh N là ông Lâm Trần K trình bày:*

Thứ nhất, vào ngày 09/02/2023 ông Lê Anh N không vay số tiền 700.000.000 đồng từ ông Lương Công T và tại đơn khởi kiện ông T cho rằng có mối quan hệ quen biết với ông N, nên ngày 09/02/2023 cho ông N vay tiền là không đúng, vì từ trước đến nay ông N chưa bao giờ quen biết, làm ăn gì với ông T và cũng không biết ông Lương Công T là ai.

Thứ hai, ngày 09/02/2023, ông N có gặp bà H ký giấy vay tiền mang tên ông Lương Công T và do bà H thay mặt ông T làm việc với ông N. Sau khi ký giấy bà H đại diện ông T cho ông N vay số tiền: 02 lần cụ thể như sau: Lần 1 số tiền 700.000.000 đồng; Lần 2 số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền này của bà Võ Thị Thúy H chuyển khoản 02 lần cho ông N. Tổng cộng là 750.000.000 đồng để lấy Giấy CNQSD đất số CL 156788, số vào sổ CS 01904, cấp ngày 19/10/2017, do Sở TN&MT tỉnh Đ cấp (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 29/7/2020 mang tên ông Lê Anh N), thửa đất số 504, tờ bản đồ số 4, diện tích 117m², địa chỉ thửa đất tại: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có sao kê kèm theo) tại Ngân hàng TMCP Á - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch huyện K. Bà H cam kết sau khi ông N trả lại số tiền vay bà H sẽ hủy giấy vay mà ông N đã ký mang tên ông T, do ông T và bà H là mẹ con nên hai người như là một.

Thứ ba, bà Võ Thị Thúy H là người hỗ trợ cùng với bà G1, ông N đi làm thủ tục Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Anh N và bà Lê Thị Hà G tại Văn phòng C, tại đường G, thị trấn P, huyện K đối với Giấy CNQSD đất số CI 156788, số vào sổ CS 101904, cấp ngày 19/10/2017, do Sở TN&MT tỉnh Đ cấp (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 29/7/2020 mang tên ông Lê Anh N), thửa đất số 504, tờ bản đồ số 4, diện tích 117m², địa chỉ thửa đất tại: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông N và bà G xong thì bà G uỷ quyền cho bà H đi đăng ký biến động đất sang tên quyền sử dụng đất cho bà G tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, đồng thời lúc này ngày 13/02/2023 bà Võ Thị Thúy H yêu cầu bà G lập giấy nhận nợ số tiền 750.000.000 đồng của ông N vay của bà H giấy vay đứng tên ông T mà ông N đã ký, vì bà H cho rằng đất đã được sang tên bà Lê Thị Hà G nên ông N không còn tài sản nữa, nên yêu cầu bà G viết giấy nhận nợ sang cho bà G (không có nhận tiền từ bà H) viết giấy nhận nợ thay ông N tại công Văn phòng đăng ký đất đai huyện K cho bà H bằng giấy vay mà bà G đã ký mang tên ông T. Bà G có yêu cầu bà H đưa lại giấy ông N viết ngày 09/02/2023 cho bà H để hủy nhưng bà H nói giấy để ở nhà không mang theo để về bà H tự hủy đi.

Thứ tư, đối với giấy vay tiền lập ngày 09/02/2023, là do bà Võ Thị Thúy H đưa cho ông Lê Anh N ký vào, thời điểm ký vào giấy là phần chữ ký người cho

vay vẫn để trống, ông N chỉ biết là vay tiền của bà H theo giấy vay mang tên ông T mà ông N đã ký, còn ông T là ông nào thì ông N không biết. Chữ ký chữ viết tại mục người vay tiền trong giấy vay tiền là do ông Lê Anh N ký và viết ra.

Thứ năm, sau khi sang tên cho bà Lê Thị Hà G đứng tên trên giấy CNQSD đất, thì bà H trực tiếp mang bì đồ đi đến Ngân hàng ACB phòng giao dịch huyện K (gặp trực tiếp ông Nguyễn Việt T1 CB tín dụng của ngân hàng để vay tiền), sau khi ngân hàng cho bà G vay tiền thì bà G có nghĩa vụ trả tiền thay ông N cho bà H đến ngày 02/3/2023 thì ngân hàng chỉ cho bà G vay số tiền 520.000.000 đồng, do đó cùng ngày bà G chuyển khoản trả cho bà Võ Thị Thúy H số tiền 500.000.000 đồng (có sao kê ngân hàng kèm theo và công văn số 4189/CV-TT.25 ngày 31/03/2025 của ngân hàng TMCP Á xác nhận nội dung này. Xác nhận rằng ngày bà G đã trả số tiền cho bà H là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Do đó việc ông Lương Công T khởi kiện ông Lê Anh N phải trả cho ông T số tiền 700.000.000 đồng và bà Lê Thị Hà G phải trả số tiền 750.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật (từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm (lãi 10%/ năm) và lãi suất khi thi hành án (lãi suất tiếp theo tính từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án) thì phía bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu, vì số nợ này được bà G nhận nợ thay toàn bộ và bà G đã trả được 500.000.000 đồng và hiện tại chỉ còn nợ lại 250.000.000 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thúy H trình bày:*

Bà là mẹ của ông Lương Công T, đối với bà Lê Thị Mỹ L là chỗ quen biết làm ăn với bà H từ lâu. Còn ông Lê Anh N (bố L), bà Lê Thị Hà G (em gái L) bà H biết là do L giới thiệu khoảng năm 2022. Trong năm 2022 bà H cũng đã từng cho ông N vay tiền số tiền 1,3 tỷ và ông N cũng đã trả số tiền này.

Vào sáng ngày 09/02/2023 con gái ông N là Lê Thị Mỹ L có điện thoại hỏi bà H có 700.000.000 đồng không cho ông N vay? Bà H trả lời là không có. Sau đó L có nhờ bà H mượn giùm thì bà H đồng ý. Bà H có điện thoại hỏi con trai là Lương Công T thì T đồng ý. Khoảng hơn 08 giờ cùng ngày 09/02/2023 thì bà L, ông N tới nhà bà H rồi các bên viết giấy vay. Khi viết giấy vay thì T mang số tiền 700.000.000 đồng đưa bà H để bà H đưa cho ông N rồi T đi công việc nên ký sau. Bà H xác nhận, buổi sáng ngày 09/02/2023 T ủy quyền và giao tiền cho bà H để giao tiền cho ông Lê Anh N vay 700.000.000 đồng bằng tiền mặt.

Đối với việc cùng ngày 09/02/2023 bà H có chuyển khoản 02 lần cho ông Lê Anh N số tiền 700.000.000 đồng và 50.000.000 đồng. Ý kiến của bà H như sau: Sau khi mượn tiền xong thì bà L, ông N chuẩn bị về thì bà H được người khác điện thoại hẹn trả tiền, do thời gian đã lâu, một ngày bà H giao dịch rất nhiều tiền nên không nhớ ai. Sau khi ông N, bà L nhận tiền vay xong ra về, khoảng 01 đến 02

tiếng sau thì bà L có điện thoại hỏi mượn thêm 700.000.000 đồng, lúc này bà H có tiền nên đồng ý cho mượn. Sau đó bà H có ra gặp L, ông N ở ngoài đường, bà H đưa giấy vay tiền thì L nói ông N vay thêm và ông N ký giấy vay của bà H 700.000.000 đồng, bà H chuyển khoản vào tài khoản cho ông N số tiền trên. Cùng ngày, khi bà H đang ở nhà thì L lại điện thoại tiếp cho bà H mượn thêm 50.000.000 đồng cho ông N, bà H có hỏi lại là sao không mượn một lần mà mượn lắt nhắt, thì L trả lời là mượn để ông N trả nợ, bà H đồng ý và tiếp tục chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho ông N, số tiền này không viết giấy. Khoảng 02 ngày sau thì ông Lê Anh N trả lại cho bà H số tiền 750.000.000 đồng trên, trả bằng tiền mặt và bà H xé giấy vay giữa bà H và ông N. Do đó, bà H khẳng định khoản vay 700.000.000 đồng mà ông N vay của Lương Công T (vay tiền mặt) không liên quan gì đến khoản vay 750.000.000 đồng mà ông N vay của bà H (chuyển khoản).

Tiếp đó, gần trưa ngày 13/02/2023 bà L điện thoại cho bà H hỏi mượn tiền, thì bà H hỏi là mượn cho ai (vì lúc đó bà H thấy L không còn tài sản), thì L nói là G (em của L) mượn 750.000.000 đồng, vì bà H biết G có tài sản nên bà H nói “T còn tiền ở nhà đó”. Tại nhà bà H có bà H, bà L, bà G thì bà H điện thoại cho T và T đồng ý cho mượn và dặn bà H lấy tiền ở trong phòng của T để đưa cho bà G mượn số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng). Khi cho mượn thì các bên có viết giấy, bà G ký trước rồi T về ký sau, bà H là người giao tiền mặt số tiền 750.000.000 đồng cho bà G, bà L. Như vậy, bà H xác định ngày 13/02/2023 bà H là người giao số tiền 750.000.000 đồng bằng tiền mặt cho bà G vay, đây là số tiền T cho bà G vay chứ không phải là tiền của bà H.

Đối với việc, ngày 02/3/2023 bà G có chuyển khoản cho bà H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), bà G cho rằng đây là tiền bà G chuyển trả nợ một phần trong số tiền 750.000.000 đồng thì bà H hoàn toàn không đồng ý. Bởi vì, thông qua bà L (người làm ăn với bà H từ lâu), bà G có vay mượn của bà H nhiều lần, các lần vay đều có giấy tờ, mỗi lần trả xong nợ thì đều xé giấy vay tiền. Do đó, ngày 02/3/2023 bà G có chuyển khoản cho bà H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) thì đây là tiền bà G nợ riêng bà H không liên quan gì đến khoản tiền bà G nợ ông T.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ L trình bày:*

Ngày 09/02/2023 bà L (con gái ông Lê Anh N) nhận được cuộc gọi của cán bộ tín dụng A là ông Nguyễn Việt T1 về khoản vay GCNQSD đất thuộc thửa đất số 504, tờ bản đồ số 04, diện tích 117m²; địa chỉ: thị trấn P, huyện K không đão hạn được khoản vay trên, buộc phải rút tất toán sang tên tặng cho lại em gái bà L (Lê Thị Hà G) mới có thể tiếp tục vay tiền, sau khi bà L nói chuyện bàn bạc với cán bộ tín dụng thì bà L được cán bộ tín dụng A giới thiệu bà Võ Thị Thúy H làm dịch vụ cho vay đão hạn Ngân hàng và làm bìa theo yêu cầu, nên bà L đã là người

trực tiếp gọi điện cho bà H và trao đổi với bà về món vay của ông N, tại Ngân hàng A. Sau đó bà H gọi xác minh lại tín dụng ACB một lần nữa thì bà H gọi lại cho bà L đồng ý cho ông N vay để rút bìa sang tên dịch vụ bà làm (bao gồm cho ông N mượn tiền và sang tên bìa để vay lại).

Sau đó bà H gọi hẹn bà L và ông N ra viết giấy mượn tiền tại quán G2, thị trấn P lúc khoảng 14h chiều ngày 09/02/2023. Trong quá trình ông N viết giấy vay mượn tiền số tiền 700.000.000 đồng, bà L phát hiện người cho vay không phải tên bà Võ Thị Thúy H mà giấy vay tiền mang tên Lương Công T (bà L có hỏi tại sao người cho vay tiền không phải tên bà H mà lại tên khác thì bà H nói rằng bà H và con trai là một). Nên ông N cũng tin tưởng đã ký giấy vay tiền, sau khi viết giấy nợ xong bà H chuyển khoản vào tài khoản ông Lê Anh N số tiền 700.000.000 đồng, khoảng sau 20 phút chuyển tiền bà L lại tiếp tục nhận cuộc gọi của tín dụng A và báo 700.000.000 đồng không đủ tất toán bìa số này thiếu 50.000.000 đồng, nên bà L gọi bà H vay tiền 50.000.000 đồng (không viết giấy), bà H đồng ý và chuyển khoản vào tài khoản ông Lê Anh N thêm số tiền 50.000.000 đồng, sau khi đủ số tiền bà H chuyển khoản 02 lần 750.000.000 đồng, (thì tất toán bìa số 4, thừa số 504 và bà L là người cầm bìa giao lại cho bà H đi xóa thế chấp), việc này có chuyển khoản cho bà H 2.000.000 đồng để xóa thế chấp và công chứng Hợp đồng tặng cho QSD đất, đến ngày 14/02/2023 chuyển tiếp cho bà H tiền để đi làm Giấy CNQSD đất sang tên cho bà G là 3.000.000 đồng.

Trong quá trình trên bà H và bà L không hề vay hay mượn và không quen biết mặt, thậm chí cũng không giao dịch qua lại với anh Lương Công T này. Bà L là người giao bìa xong thì bà H là người nhận làm bìa soạn hồ sơ công chứng tặng cho bìa số 4, thừa số 504 cho em gái bà L là Lê Thị Hà G tại phòng C1. Sau khi công chứng xong bà H đưa bìa đến CN VPĐKĐ đai huyện K thì bà hẹn bà L và bà G ngay cổng Phòng Tài Nguyên và yêu cầu bà Lê Thị Hà G nhận lại món vay 750.000.000 đồng, bà phân tích là “sau khi công chứng xong ba con (ông N) hết đứng tên bìa nghĩa là tài sản thuộc về con nên con phải nhận nợ thay ba” và em bà G đã viết giấy vay nhận nợ tại Phòng Tài Nguyên Môi trường số tiền là 750.000.000 đồng cũng 1 dấu hiệu người cho vay không phải là bà H, mà là con trai bà Lương Công T. Bà L cũng nói lại bà H thì bà H trả lời con bà và bà là một, nên bà G viết và ký giấy (Nội dung vay đáo hạn ngân hàng làm bìa).

Trong quá trình viết nhận nợ xong bà L có xin lại giấy nợ của ông N vay ngày 09/2/2023, nhưng bà H nói đã quên ở nhà về bà sẽ tự hủy. Tiếp quá trình làm bìa xong thì bà L vẫn là người trực tiếp lấy bìa đưa cho tín dụng A là Nguyễn Viết T1 làm hồ sơ vay lại (lúc này bìa mang tên Lê Thị Hà G). Số tiền vay lại được là 520.000.000 đồng, vào lúc 14h10 phút ngày 02/3/2023 thì bà H có gọi đòi tiền và gửi số TK A 170669739 cho bà L và bà L đưa số TK này cho G chuyển tiền trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng. Hiện tại bà G đứng tên bìa và chỉ nợ lại

250.000.000 đồng. Trong quá trình giao dịch bà L, ông N, bà G không hề quen biết Lương Công T, chỉ làm việc trực tiếp với bà H. Ông N không còn nợ ông T và bà H bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Công T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng Điều 3, Điều 117, Điều 134, Điều 138, Điều 141, Điều 357, Điều 370, Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Công T.

1. Buộc ông Lê Anh N có nghĩa vụ trả cho ông Lương Công T tổng số tiền 882.583.000 đồng (T2 trăm tám mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng), trong đó: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) nợ gốc và 182.583.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) nợ lãi tính đến ngày 18/9/2025.

2. Buộc bà Lê Thị Hà G có nghĩa vụ trả cho ông Lương Công T tổng số tiền 944.791.000 đồng (Chín trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng), trong đó: 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và 194.791.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng) nợ lãi tính đến ngày 18/9/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Lê Anh N phải chịu 38.477.500 đồng (Ba mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Lê Thị Hà G phải chịu 40.343.500 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Lương Công T 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005801 ngày 29 tháng 5 năm 2024 và 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006169 ngày 25 tháng 10 năm 2024 đều của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Đăk Lăk).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Về kháng cáo:**

Ngày 29/9/2025, bị đơn bà Lê Thị Hà G và ông Lê Anh N đều kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên để xét xử lại vì Giấy vay tiền lập ngày 09/02/2023 giữa ông N với ông T và Giấy vay tiền lập ngày 13/02/2023 giữa bà G với ông T chỉ là một.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Anh N và bà Lê Thị Hà G giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các bên đương sự đưa ra ý kiến, lập luận như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ở Toà án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Anh N và bà Lê Thị Hà G không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, bà G và giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đăk Lăk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Anh N và bà Lê Thị Hà G, thì thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bên phía nguyên đơn và phía bị đơn đều xác định vào ngày 09/02/2023 bị đơn ông Lê Anh N có ký “Giấy vay tiền” của ông Lương Công T, cụ thể ông N vay số tiền của ông T là 700.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay từ ngày 09/02/2023 (dương lịch)

đến ngày 19/02/2023 (dương lịch) và tiếp đến vào ngày 13/02/2023 bị đơn bà Lê Thị Hà G có ký “Giấy vay tiền” của ông Lương Công T với số tiền bà G vay của ông T là 750.000.000 đồng, mục đích vay là (đáo hạn làm bì) trả tiền Ngân hàng, thời hạn vay từ ngày 13/02/2023 (dương lịch) đến ngày 28/02/2023 (dương lịch). Bị đơn ông N, bà G đều thừa nhận chữ ký tại mục “Người vay tiền” trong “Giấy vay tiền” nêu trên là của ông N (theo Giấy vay tiền ghi ngày 09/02/2023) và của bà G (theo Giấy vay tiền ghi ngày 13/02/2023). Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định hai “Giấy vay tiền” nêu trên là tình tiết khách quan của vụ án, có giá trị chứng minh theo Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2.2] Bị đơn ông N và bà G đều cho rằng để có tiền đáo hạn Ngân hàng nên ngày 09/02/2023 ông N vay của bà Võ Thị Thúy H tổng số tiền 750.000.000 đồng, theo hình thức chuyển khoản (lần 01 chuyển 700.000.000 đồng, lần 02 chuyển 50.000.000 đồng) nhưng bà H lại yêu cầu ông N ký vào “Giấy vay tiền” do ông Lương Công T (con trai của bà H) đứng tên người cho vay, vì tin tưởng lời nói của bà H là bà với con trai của bà là một nên ông N đã ký vào “Giấy vay tiền” nêu trên. Sau đó, vì không thể đáo hạn Ngân hàng nên theo lời bà H thì ông N đã tắt toán khoản vay và thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho bà G (con gái ông N) đối với thửa đất số 504, tờ bản đồ số 4, diện tích 117m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 156788 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/10/2017). Sau khi bà G được tặng cho quyền sử dụng đất thì bà G có ký lại “Giấy vay tiền” vào ngày 13/02/2023 (Theo bà G trình bày thì việc ký lại “Giấy vay tiền” là nhằm mục đích bà nhận lại khoản vay của ông N với bà H vào ngày 09/02/2023 nên “Giấy vay tiền” ghi ngày 09/02/2023 không còn giá trị), sau đó bà G đã chuyển khoản trả nợ cho bà H số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 02/3/2023 nên bà G chỉ còn nợ lại số tiền 250.000.000 đồng.

[2.3] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Thúy H không thừa nhận khoản tiền mà bà H chuyển khoản cho ông N vay số tiền 750.000.000 đồng là khoản tiền đã được ghi trong “Giấy vay tiền” vay của ông Lương Công T vào ngày 09/02/2023, mà số tiền 750.000.000 đồng này là khoản tiền vay riêng biệt giữa ông N với bà H và bà H xác định số tiền 750.000.000 đồng này thì khoảng 02 ngày sau ông N đã trả lại cho bà H bằng tiền mặt nên bà H xé giấy vay giữa bà H và ông N. Đồng thời ông T cũng không thừa nhận lời trình bày của bên phía bị đơn.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại thời điểm viết và ký “Giấy vay tiền” giữa ông T với ông N vào ngày 09/02/2023 và với bà G vào ngày 13/02/2023 thì ông N, bà G có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông bà đều biết rõ “Giấy vay tiền” thể hiện bên người cho vay là ông T chứ không phải là bà H (mẹ của ông T) nhưng ông N, bà G vẫn đồng ý ký vào “Giấy vay tiền”, đồng thời bà H không thừa nhận lời trình bày của ông N, bà G mà bà H xác định tại thời điểm xác lập “Giấy vay

tiền” thì ông T không có mặt nhưng số tiền bà H đưa trực tiếp cho ông N, bà G vào các ngày 09/02/2023, 13/02/2023 là số tiền của ông T.

Mặt khác, tại Công văn số 4189/CV-TT.25 ngày 31/3/2025 của Ngân hàng TMCP Á xác định: Ông Nam tắt toán khoản vay vào ngày 13/02/2023, số tiền tại thời điểm tắt toán là 360.000.000 đồng tiền gốc và 69.266.356 đồng tiền lãi. Như vậy, ông N cho rằng số tiền 750.000.000 đồng ông vay của bà H để trả nợ và đáo hạn Ngân hàng là không phù hợp, hơn nữa đối với tổng số tiền 750.000.000 đồng mà bà H chuyển khoản cho ông N vay vào ngày 09/02/2023 thì bà H xác định số tiền này là số tiền ông N vay riêng của bà và ông N đã thanh toán đầy đủ tiền cho bà. Đồng thời ông N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về số tiền mà bà H chuyển khoản cho ông N và số tiền ông T khởi kiện là một. Ngoài ra, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 156788 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/10/2017, thì đến ngày 22/02/2023 thửa đất này được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K chỉnh lý biến động người sử dụng đất cho bà Lê Thị Hà G (bà G được tặng cho quyền sử dụng đất). Tuy nhiên, tại thời điểm bà G được công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 504, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn P thì được phát sinh sau khi bà G ký “Giấy vay tiền” của ông T (ngày 13/02/2023); đồng thời, tại “Giấy vay tiền xác lập vào ngày 13/02/2023 giữa ông T với bà G” không thể hiện nội dung nào được xác định là bà G nhận nợ thay cho ông N hoặc “Giấy vay tiền ngày 13/02/2023” được thay thế cho “Giấy vay tiền ngày 09/02/2023” và tại 02 “Giấy vay tiền” đều có sự khác nhau rõ về số tiền vay (ông N vay 700.000.000 đồng, còn bà G vay 750.000.000 đồng) và thời hạn trả nợ (ngày 19/02/2023 và 28/02/2023). Như vậy, bị đơn ông N, bà G không chứng minh được việc đã chuyển giao nghĩa vụ đối với khoản vay ngày 09/02/2023 cho nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông N, bà G.

[3]. Đối với số tiền 500.000.000 đồng, bị đơn bà G cho rằng đã chuyển khoản cho bà H để trả một phần khoản vay 750.000.000 đồng vào ngày 09/02/2023. Tuy nhiên, bà H không thừa nhận việc nhận số tiền 500.000.000 đồng là để trả nợ cho ông T mà đây là khoản vay riêng giữa bà H với bà G. Đồng thời, ông T cũng khẳng định ông N, bà G chưa trả khoản tiền nào và cũng không uỷ quyền cho bà H được nhận tiền thay. Mặt khác, bị đơn ông N, bà G cũng không cung cấp được văn bản nào chứng minh cho việc ông T uỷ quyền cho bà H nhận tiền thay để căn trừ vào khoản tiền vay của ông T. Do đó, không có căn cứ để khấu trừ số tiền 500.000.000 đồng vào khoản vay 750.000.000 đồng này, trường hợp giữa bà G với bà H xảy ra tranh chấp đối với số tiền mà bà G chuyển khoản cho bà H thì bà G hoặc bà H được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4]. Về lãi suất: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để buộc bị đơn ông N, bà G phải chịu

lãi suất của khoản tiền vay, thời gian tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2025), mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp.

[5]. Từ phân tích nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lương Công T, buộc ông Lê Anh N có nghĩa vụ trả cho ông Lương Công T số tiền nợ là 882.583.000 đồng (trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi 182.583.000 đồng) và buộc bà Lê Thị Hà G có nghĩa vụ trả cho ông Lương Công T số tiền nợ là 944.791.000 đồng (trong đó nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi 194.791.000 đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Lê Anh N và bà Lê Thị Hà G là không có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Anh N và bà Lê Thị Hà G mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Anh N, bà Lê Thị Hà G.

- Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 3, Điều 117, Điều 134, Điều 138, Điều 141, Điều 357, Điều 370, Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Công T.

1.1/ Buộc ông Lê Anh N có nghĩa vụ trả cho ông Lương Công T với tổng số tiền 882.583.000 đồng (*T2 trăm tám mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng*), trong đó: 700.000.000 đồng nợ gốc và 182.583.000 đồng nợ lãi tính đến ngày 18/9/2025.

1.2/ Buộc bà Lê Thị Hà G có nghĩa vụ trả cho ông Lương Công T với tổng số tiền 944.791.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*), trong đó: 750.000.000 đồng nợ gốc và 194.791.000 đồng nợ lãi tính đến ngày 18/9/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

2.1/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Anh N phải chịu 38.477.500 đồng (*Ba mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Hà G phải chịu 40.343.500 đồng (*Bốn mươi triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Lương Công T 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005801 ngày 29/5/2024 và 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006169 ngày 25/10/2024 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk).

2.2/ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn ông Lê Anh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà ông N đã nộp (bà Lê Thị Mỹ L nộp thay) vào ngày 08/10/2025 theo Biên lai thu số 0001750 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn bà Lê Thị Hà G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà G đã nộp (bà Lê Thị Mỹ L nộp thay) vào ngày 08/10/2025 theo Biên lai thu số 0001751 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TANDTC tại Đà Nẵng; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Y Phi Khuê